

PHÂN VÙNG ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN CÁC HUYỆN MIỀN NÚI QUẢNG TRỊ - THỪA THIÊN HUẾ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

ĐẶNG THUYỀN DUNG

Tóm tắt: Các huyện miền núi Hướng Hoá, ĐaKrông (Quảng Trị) và A Lưới, Nam Đông (Thừa Thiên Huế) có diện tích rộng lớn, địa hình phức tạp (hơn 70% là đồi núi), dân cư phân bố không đồng đều, việc tổ chức các hoạt động kinh tế, du lịch gặp nhiều khó khăn. Do đó, phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên là cơ sở khoa học, giúp khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên của các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lãnh thổ được chia thành 2 á vùng (Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn) và 8 tiểu vùng với mức độ thuận lợi của tài nguyên khác nhau cho phát triển du lịch. Đồng thời, để đa dạng hóa sản phẩm du lịch ở phía bắc và trung tâm lãnh thổ, cần tập trung vào các tiểu vùng có tài nguyên tương đối thuận lợi và ít thuận lợi. Kết luận này bổ sung thêm lý luận khoa học về phân vùng địa lý, đóng góp cơ sở khoa học để đánh giá, xây dựng định hướng và các giải pháp cho phát triển du lịch bền vững.

Từ khoá: phân vùng địa lý, miền núi, Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, du lịch bền vững

NATURAL GEOGRAPHICAL ZONING OF THE MOUNTAINOUS DISTRICT AREAS IN QUANG TRI AND THUA THIEN HUE PROVINCES FOR SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT

Abstract: The mountainous districts of Huong Hoa and DaKrong (Quang Tri province), and A Luoi and Nam Dong (Thua Thien Hue province) face challenges in economic and tourism activities due to their vast, complex terrain (>70% being mountainous) and uneven population distribution. Therefore, the natural geographical zoning method is a scientific basis, helping to effectively exploit the resource potential of the mountainous districts of Quang Tri - Thua Thien Hue. Research shows that this area is divided into 2 sub-zones (East Truong Son and West Truong Son) and 8 micro-zones with varying levels of resources suitability for tourism development. At the same time, to diversify tourism products in the north and center of the territory, it is necessary to focus on sub-regions with relatively favorable and less favorable resources. This conclusion supplements the scientific theory of geographical zoning, contributing to a scientific basis for evaluating, developing orientations, and solutions for sustainable tourism development.

Keywords: geographical zoning, mountainous area, Quang Tri - Thua Thien Hue, sustainable tourism

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phân vùng địa lý (PVĐL) giúp phát hiện các thuận lợi và hạn chế của từng vùng, hỗ trợ việc sử dụng tài nguyên hiệu quả. Trong bài viết, tác giả thực hiện PVĐL tự nhiên phục vụ cho mục đích phát triển du lịch.

Hướng Hoá, ĐaKrông, A Lưới và Nam Đông là 4 huyện miền núi nằm ở phía tây Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, đặc trưng bởi cảnh quan đa dạng và đa dạng sinh học cao, với: hệ thảm thực vật đồi núi thấp; điển hình ở vườn quốc gia Bạch Mã, khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hoá, ĐaKrông, Sao La, và khu bảo vệ cảnh quan

đường Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vùng có nhiều điểm du lịch hấp dẫn như thác nước Chênh Vênh, thác Mơ, suối nước nóng Klu, khu vực này có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống (Tà Ôi, Bru - Vân Kiều, Cơ Tu), các di tích lịch sử dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Mặt khác, lãnh thổ nghiên cứu có vị trí tiếp giáp với Lào - là điểm đầu của một trong 5 tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây quan trọng nhất của cả nước kết nối giữa bắc Thái Lan, Lào ra Biển Đông bằng đường bộ thông qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và La Lay.

Từ những lợi thế về tự nhiên, văn hóa và vị trí địa lý, các huyện miền núi Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch bền vững và hiệu quả. Tuy nhiên, việc khai thác các điều kiện tự nhiên và tài nguyên còn hạn chế, đặc biệt trong việc tổ chức và phát triển các loại hình du lịch đặc trưng của tiểu vùng. Do đó, nghiên cứu và thực hiện PVĐL tự nhiên là một bước quan trọng sẽ mang lại cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng định hướng và giải pháp phát triển bền vững du lịch tại khu vực này.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo sử dụng các nguồn dữ liệu thu thập được ở huyện Hướng Hóa, Đakrông (Quảng Trị); huyện Nam Đông, A Lưới (Thừa Thiên Huế); nguồn dữ liệu thu thập được từ khảo sát, điều tra nghiên cứu thực địa từ tháng 01/2021, cập nhật tới 2023 tại khu vực nghiên cứu và các nguồn dữ liệu bản đồ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) Phương pháp khảo sát thực địa

Tiến hành thực địa chủ yếu ở 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 (tháng 11/2017 - 2021) nắm bắt tình hình, thu thập thông tin nhằm xây dựng các bản đồ thành phần tự nhiên và phân bố tài nguyên

DL tự nhiên, văn hoá từ đó tiến hành phân tích, so sánh sự phân hoá.

Giai đoạn 2 (tháng 01/2021-2023) bổ sung và cập nhật thông tin từ giai đoạn đầu, kiểm chứng kết quả thực tế. Để đạt được mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn, thực hiện điều tra phỏng vấn khách du lịch, hộ hoạt động du lịch theo phương pháp đánh giá nhanh (PRA) tại 15 điểm du lịch nổi bật.

Đồng thời, làm việc với các Phòng chuyên môn của từng địa phương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị - đây là cơ sở để điều chỉnh các kết quả nghiên cứu cho phù hợp với định hướng phát triển du lịch trên từng tiểu vùng.

(2) Hệ phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên cho phát triển du lịch

Dựa trên các nguyên tắc và phương pháp PVĐL tự nhiên, nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam [2,5,6,8], cùng với đặc điểm lãnh thổ miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, trên cơ sở các nguyên tắc PVĐL tự nhiên: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc phát sinh, nguyên tắc tổng hợp, nguyên tắc đồng nhất tương đối, nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ, nghiên cứu đã tiến hành PVĐL tự nhiên khu vực nghiên cứu theo các phương pháp sau:

- *Phương pháp phân vùng theo nhân tố trội:* sử dụng, chọn các nhân tố chủ đạo như lớp phủ thực vật, thổ nhưỡng và khí hậu để phân vùng.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp các thành phần cấu tạo:* biểu thị và xây dựng bản đồ tổng hợp địa lý tự nhiên, tính đến tất cả các hợp phần tạo nên địa tổng thể và vai trò của từng nhân tố.

- *Phương pháp địa lý so sánh:* làm sáng tỏ các điểm giống, khác nhau giữa các thành phần tự nhiên, giúp luận giải các quy luật hình thành, phát triển, phân dị của các thể tổng hợp.

Tiêu chí phân vùng các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa thiên Huế được dựa trên ba

thành phần cơ bản của lưu vực sông: hệ thống sông, điều tiết nước và mô hình lưu vực. Trong đó, tác giả sử dụng bản đồ địa hình tỉ lệ 1:50.000 để tạo bản đồ mô hình số độ cao (DEM), xác định đường phân nước và tích hợp với chế độ khí hậu để xác định ranh giới á vùng và tiểu vùng, tuân theo 5 nguyên tắc và 3 phương pháp đã được xây dựng.

(3) Phương pháp đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên và tài nguyên cho phát triển du lịch

Dựa trên mối quan hệ giữa các yếu tố tài nguyên của các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, nghiên cứu đã tiến hành lựa chọn các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá, trong đó ưu tiên các chỉ tiêu có sự phân hóa rõ rệt trong không gian. Các tiêu chí đánh giá, bao gồm:

(i) Các tiêu chí về tự nhiên: thắng cảnh (sự tương phản giữa địa hình - thủy văn - sinh vật), địa hình (kiểu và độ dốc địa hình), khí hậu (sinh khí hậu), sinh vật (thảm thực vật và ĐDSH);

(ii) Các tiêu chí về văn hoá: các di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể).

Mức độ thích nghi sinh thái được phân thành 4 cấp bậc: rất thuận lợi, thuận lợi, tương đối thuận lợi, và ít thuận lợi, với điểm đánh giá tương ứng là 4, 3, 2 và 1.

Để đảm bảo đánh giá chính xác và khách quan hơn, tác giả đã sử dụng phương pháp xác định trọng số theo ma trận tam giác của Nguyễn Cao Hoàn (2005) [3], nhằm phản ánh đúng mức độ và giá trị khác nhau của các tiêu chí đã được lựa chọn trong phát triển du lịch. Trọng số được xác định dựa trên việc so sánh tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với yêu cầu sinh thái của các dạng sử dụng và kết quả đánh giá được tính toán bằng phép tính trung bình cộng [3].

(4) Phương pháp bản đồ trên phần mềm ArcGIS và Mapinfo

Được sử dụng để phân tích, đánh giá sự phân hoá các thành phần tự nhiên, bao gồm: bản đồ hành chính, địa chất, phân kiểu địa hình, phân bố nhiệt độ trung bình năm, phân bố tổng lượng mưa trung bình năm, phân bố thảm thực vật; tổng quan đặc điểm phân bố tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hoá thuộc 4 huyện Hướng Hóa, Đakrông (Quảng Trị); Nam Đông, A Lưới (Thừa Thiên Huế). Sau đó, áp dụng các nguyên tắc, phương pháp PVĐL tự nhiên, thành lập bản đồ thành phần: PVĐL tự nhiên cho phát triển DL các huyện miền núi Quảng Trị -Thừa Thiên Huế; Bản đồ đánh giá tổng hợp mức độ thuận lợi của 2 loại hình du lịch các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, với tỷ lệ 1/50.000.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả phân vùng địa lý tự nhiên cho phát triển du lịch

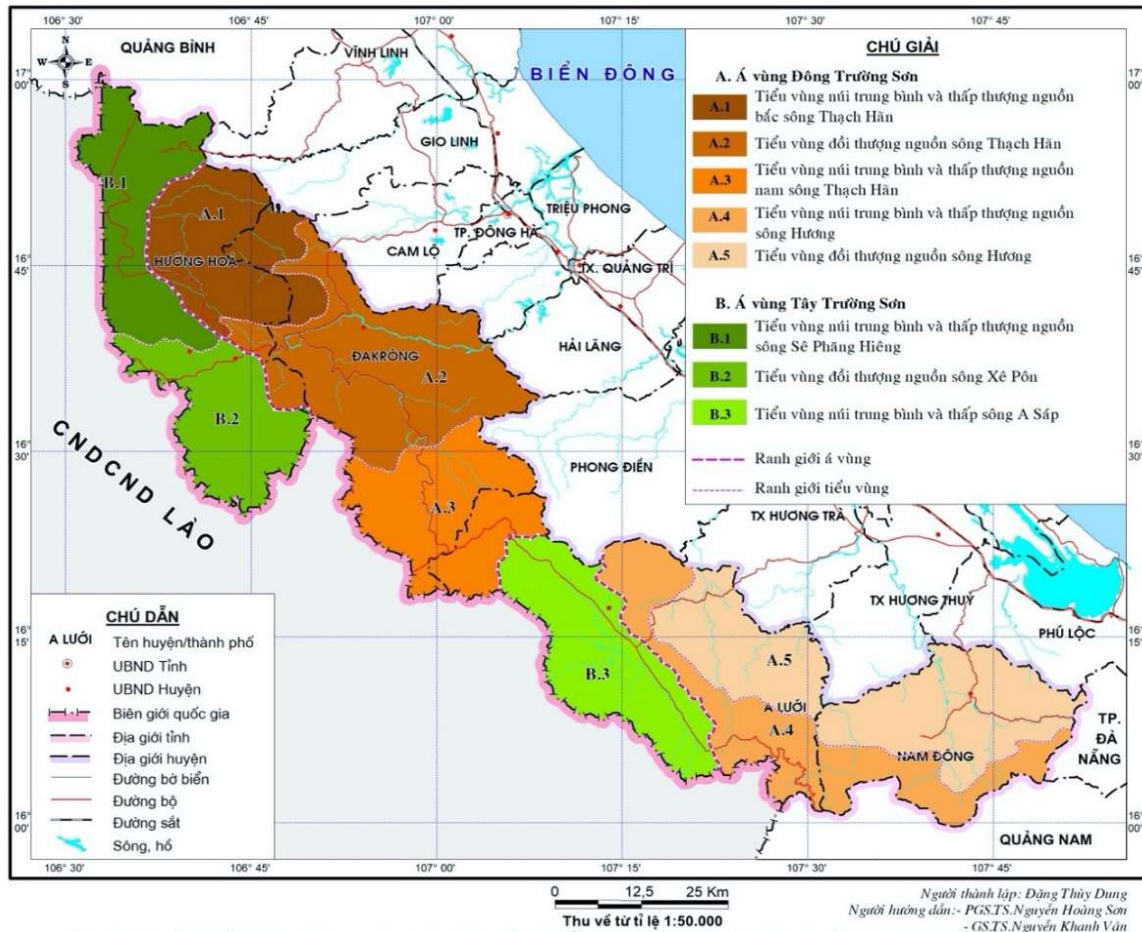
Chỉ tiêu phân vùng địa lý tự nhiên bao gồm:

- Á vùng: á vùng là cấp bổ trợ (thứ cấp) của cấp vùng [9], trong đó tiêu chí chính để phân chia á vùng là sự tương đồng về hướng sơn văn. Dựa trên tiêu chí này, tiếp tục xác định á vùng bằng cách xét đến các điều kiện khí hậu, cụ thể là sự thay đổi về nhiệt độ và độ ẩm, dưới ảnh hưởng của độ cao địa hình (theo quy luật đai cao).

- Tiểu vùng: dựa vào sự phân hóa địa lý tự nhiên của các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, các cấp độ cao địa hình được xác định dựa trên độ cao tuyệt đối và tỉ lệ diện tích kiểu địa hình chính trên lãnh thổ, cụ thể như sau: địa hình đồi từ 50-500 m; địa hình núi thấp từ trên 500-1500 m; địa hình núi trung bình từ trên 1.500-2.500 m; trên 2.500 m là địa hình núi cao [4]; về tỉ lệ diện tích kiểu địa hình: một lãnh thổ được coi là địa hình đồi hoặc núi (núi thấp, núi trung bình, núi cao) khi ít nhất 50% diện tích của nó thuộc loại địa hình đó. Ngoài ra, các chỉ tiêu quần thể sinh vật (các kiểu thảm thực vật và hệ

sinh thái chính) cũng được xem xét dựa trên mối quan hệ tổng thể giữa các hợp phần tự nhiên trong mỗi tiểu vùng.

Kết quả hệ thống các đơn vị PVĐL tự nhiên các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế được phân chia thành 2 á vùng và 8 tiểu vùng (Hình 1).



Hình 1. Bản đồ phân vùng địa lý tự nhiên cho phát triển du lịch các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế [1]

3.2. Kết quả phân vùng địa lý tự nhiên với phát triển du lịch bền vững

Theo Luật du lịch (2017), “*Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai* [7]. Để đạt được điều này, phát triển du lịch cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản: mang lại lợi ích kinh tế, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường.

Đối với khu vực các huyện miền núi Quảng

Trị -Thừa Thiên Huế, kết quả phân vùng cung cấp các thông tin chi tiết về tự nhiên (địa chất, địa hình, thủy văn, sinh vật) và đặc điểm kinh tế - xã hội, nhân văn theo sự phân hóa lãnh thổ, từng vùng, tiểu vùng địa lí. Trên cơ sở việc xác định sự phân hóa không gian, thời gian và các quy luật tự nhiên của khu vực - đây là tài liệu cơ sở nền tảng khi nghiên cứu, khai thác hợp lí lãnh thổ theo hướng phát triển bền vững các ngành kinh tế trong đó có hoạt động du lịch.

Các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế có diện tích lớn (tổng diện tích tự nhiên 4.267,53 km²), không đồng nhất về điều kiện tự

nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Các thể tổng hợp điều kiện tự nhiên có những đặc điểm tự nhiên và mức độ tập trung tài nguyên khác nhau. Vì vậy, khả năng khai thác và sử dụng chúng là khác nhau. Cụ thể:

+ *Tiểu vùng núi trung bình và núi thấp thượng nguồn bắc sông Thạch Hãn (A.1)*: với địa hình núi kiến tạo - bóc mòn dạng vòm trên 1.000 m và khí hậu phân hóa rõ rệt, có lượng mưa cao và không có mùa khô, nổi bật với hệ sinh thái rừng kín thường xanh. Mặc dù nằm liền kề với tiểu vùng B.1 (á vùng Tây Trường Sơn), A.1 có tài nguyên tự nhiên kém phong phú hơn nhiều và ít điểm nổi bật về tài nguyên văn hóa do dân cư thưa thớt và vị trí sườn núi không thuận lợi cho sự phát triển kinh tế. Ngoài ra, so với tiểu vùng lân cận B.2 nằm ở phía đông nam (á vùng Đông Trường Sơn), tiểu vùng A.1 sự đa dạng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa hơn tương đối nhiều.

+ *Tiểu vùng đồi thượng nguồn sông Thạch Hãn (A.2)* có địa hình độ cao dưới 500 m, là khu vực chuyển tiếp của dãy Trường Sơn với các thung lũng, trũng giữa núi và dãy đồi. Khí hậu tại đây chịu ảnh hưởng của gió mùa tây nam khô nóng và có sự phân hóa lượng mưa từ tây sang đông. Tài nguyên du lịch tại đây phong phú hơn so với A.1, với nhiều danh thắng tự nhiên như khu danh thắng Đakrông, hồ Rào Quán, cùng các nguồn nước khoáng nóng như suối Pa Ca. Tài nguyên văn hóa tại A.2 cũng đa dạng, là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều và các di tích lịch sử có giá trị.

+ *Tiểu vùng núi trung bình và núi thấp thượng nguồn nam sông Thạch Hãn (A.3)*: với địa hình phân bậc rõ ràng, đỉnh cao nhất đạt 1.102 m, bị chia cắt bởi hệ thống đứt gãy sâu. Khí hậu khắc nghiệt nhưng nhờ sự che chắn của dãy núi, mức độ tác động của gió tây khô nóng

giảm. Tài nguyên du lịch của tiểu vùng này tương đối phong phú với các kiểu thảm thực vật rừng kín, nhưng lại phân bố không đều, gây khó khăn trong việc khai thác. Tài nguyên văn hóa tập trung chủ yếu gắn với văn hóa các dân tộc học dọc theo sông Thạch Hãn.

+ *Tiểu vùng núi trung bình và núi thấp thượng nguồn sông Hương (A.4)*: có địa hình hiểm trở với nhiều đỉnh núi cao, chịu ảnh hưởng của hệ thống đứt gãy sâu và khối nâng A Lưới. Khí hậu tại đây ít khắc nghiệt hơn so với các tiểu vùng khác nhưng có lượng mưa rất lớn do ảnh hưởng của mưa địa hình. Tài nguyên du lịch tự nhiên không quá đa dạng nhưng phân bố tương đối tập trung, đặc biệt là các khu rừng nguyên sinh ở phía tây của tiểu vùng. Tài nguyên văn hóa có tiềm năng với làng A Ka1, điểm nước nóng A Roàng.

+ *Tiểu vùng đồi thượng nguồn sông Hương (A.5)*: là tiểu vùng có diện tích lớn nhất, với địa hình đồi tương đối bằng phẳng, độ cao từ 200 - 400 m, nằm trong hệ thống đứt gãy nội đới. Khí hậu ở đây ít chịu tác động của gió tây khô nóng, lượng mưa khá lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thác nước đẹp như thác Mơ, thác Phướn, thác Kazan. Tuy nhiên, tài nguyên du lịch văn hóa lịch sử tại đây lại ít có giá trị và phân tán, không tạo được sự nổi bật trong phát triển du lịch văn hóa.

+ *Tiểu vùng núi trung bình và núi thấp thượng nguồn sông Sé Phăng Hiêng (B.1)*: có địa hình phức tạp nhất trong 8 tiểu vùng, với các đỉnh núi cao như Voi Mẹp (1.701 m) và Sa Mùi (1.617 m), được cấu tạo từ đá granit và granodiorit. Địa hình phát triển theo các khe nứt, đứt gãy kiến tạo với thung lũng sâu và các thác nước cao. Khí hậu ở đây mát mẻ hơn, với hai đai khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới, hỗ trợ sự phát triển đa dạng của thảm thực vật từ rừng kín cây

lá rộng thường xanh nhiệt đới ẩm đến rừng lá kim. Tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú nhưng việc khai thác gặp khó khăn do địa hình hiểm trở, với các điểm nổi bật như đỉnh Voi Mẹp, thác Chênh Vênh và hang động Brai.

+ *Tiểu vùng đồi thương nguồn sông Xê Pôn (B.2)*: là tiểu vùng có diện tích nhỏ nhất và có địa hình thấp nhất trong các tiểu vùng nghiên cứu, với độ cao trung bình khoảng 450 - 500 m; địa hình ít phức tạp hơn, với một bề mặt tương đối bằng phẳng hình thành từ dung nham bazan phun trào, tạo nên đất đỏ bazan màu mỡ. Khí hậu ở đây mát mẻ nhất, với nhiệt độ ban đêm hạ thấp vào mùa hè, tạo điều kiện thuận lợi cho các cây công nghiệp lâu năm như cà phê và macca phát triển. Tài nguyên du lịch văn hóa của B.2 rất giàu có, với các di tích lịch sử cấp quốc gia như sân bay Tà Con, nhà tù Lao Bảo, cùng các thắng cảnh tự nhiên như hồ Tân Độ, thác Ô Ô; dễ dàng khai thác do địa hình ít hiểm trở.

+ *Tiểu vùng núi trung bình và thấp sông A Sáp (B.3)*: có độ cao trung bình khoảng 600 m và địa hình bị chia cắt mạnh bởi xói mòn và xâm thực, nổi bật với thảm thực vật á nhiệt đới phong phú và khí hậu mát mẻ. B.3 có lượng mưa lớn và không có mùa khô rõ rệt, khác biệt với B.1 có địa hình hiểm trở và B.2 có khí hậu mát mẻ nhưng địa hình bằng phẳng. B.3 có tài nguyên du lịch phong phú hơn với các thắng cảnh và di tích lịch sử, tạo điều kiện phát triển du lịch văn hóa.

Nhìn chung, 8 tiểu vùng tuy cùng nằm trong khu vực nghiên cứu nhưng lại có sự phân hóa rõ rệt về địa hình, khí hậu, thảm thực vật và tài nguyên du lịch, tạo nên sự khác biệt về tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa.

Phân vùng địa lý tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch. Kết quả đánh giá cho thấy

mức độ thuận lợi của các loại hình DL tại từng tiểu vùng có sự phân hóa rõ rệt, phản ánh sự đa dạng về tài nguyên tự nhiên và văn hóa của khu vực nghiên cứu. Các tiểu vùng được phân loại thành các nhóm khác nhau dựa trên khả năng phát triển DL thiên nhiên và văn hóa.

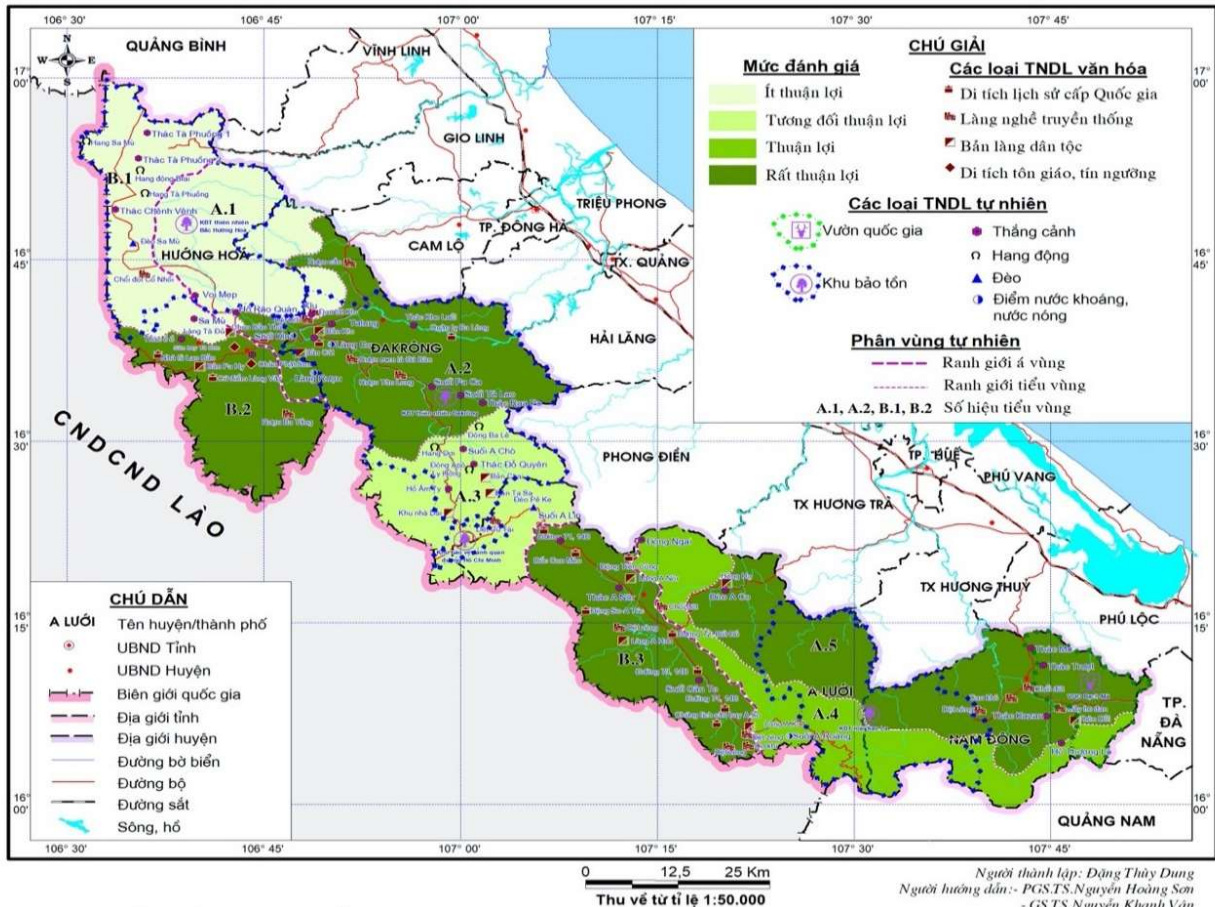
Tiểu vùng A.2, A.5, B.2, và B.3 đều được xếp vào nhóm rất thuận lợi. Trong đó, A.2 nổi bật với sự phong phú về cả tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Địa hình đồi núi và các tài nguyên du lịch như danh thắng Đakrông, hồ Rào Quán cùng với cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều và di tích lịch sử tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cả loại hình DL thiên nhiên và DL văn hóa. Tiểu vùng A.5 đặc biệt phát triển DL văn hóa nhờ các điểm như làng A Ka1 và điểm nước nóng A Roàng, đồng thời tiểu vùng còn thuận lợi cho du lịch thiên nhiên với các thác nước đẹp. Tiểu vùng B.2 có di tích lịch sử và thắng cảnh tự nhiên nổi bật, phù hợp cho du lịch văn hóa và thiên nhiên, mặc dù du lịch thiên nhiên không phát triển mạnh bằng DL văn hóa. Tiểu vùng B.3 cũng nổi bật trong phát triển DL văn hóa nhờ di tích lịch sử và cộng đồng dân tộc Tà Ôi, đồng thời cung cấp các điểm tham quan thiên nhiên độc đáo như thác A Nờ và suối Càn Te.

Tiểu vùng A.4 được xếp vào nhóm thuận lợi, với điều kiện tốt cho cả du lịch thiên nhiên và văn hóa. Khí hậu và lượng mưa dồi dào hỗ trợ cho sự phát triển của các khu rừng nguyên sinh, trong khi tiềm năng văn hóa từ các làng mạc và di tích lịch sử làm cho tiểu vùng A.4 có khả năng phát triển du lịch văn hóa. Mặc dù không nổi bật bằng các tiểu vùng trong nhóm rất thuận lợi, tiểu vùng A.4 vẫn có tiềm năng đáng kể cho cả hai loại hình du lịch.

Tiểu vùng A.3 thuộc nhóm tương đối thuận lợi. Địa hình núi phân bậc và khí hậu mát mẻ tạo điều kiện cho du lịch thiên nhiên, trong khi các

di tích văn hóa và cộng đồng dân tộc người Bru-Vân Kiều chủ yếu phân bố dọc sông Thạch Hãn làm phong phú thêm tài nguyên văn hóa. Tuy nhiên, việc phân bố tài nguyên không đồng đều dẫn đến sự hạn chế trong phát triển DL của tiểu vùng này. Tiểu vùng A.1 và B.1 nằm trong nhóm ít thuận lợi. Trong đó, tiểu vùng A.1 có

mức phát triển DL thấp do tài nguyên phân bố không tập trung và khả năng khai thác hạn chế, dẫn đến cả loại hình du lịch thiên nhiên và văn hóa đều ít thuận lợi. Tiểu vùng B.1 có mức phát triển DL thiên nhiên tương đối thuận lợi nhờ vào địa hình núi cao và các điểm thắng cảnh, nhưng ít thuận lợi cho du lịch văn hóa (Hình 2).



Hình 2. Bản đồ đánh giá tổng hợp mức độ thuận lợi của 2 loại hình DL các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế [1]

Dựa vào kết quả đánh giá tổng hợp 2 loại hình du lịch trên 8 tiểu vùng thuộc các huyện miền núi Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, định hướng mức độ ưu tiên cần tập trung trước vào 4 tiểu vùng cho phát triển tổng hợp các loại hình du lịch lần lượt là A.2, A.5, B.2, B.3 và A.4. Tiếp đến là chú trọng phát triển du lịch ở các tiểu vùng gồm A.3, B.1 và A.1 nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch ở cả phía bắc (B.1, A.1)

cũng như thêm các sản phẩm du lịch xen kẽ với tiểu vùng trung tâm (A.3) của lãnh thổ nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho liên kết du lịch trên tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây.

4. KẾT LUẬN

PVĐL tự nhiên để phát triển du lịch bền vững, là một xu thế tất yếu và khách quan, ngày càng được áp dụng rộng rãi trong nghiên cứu vùng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói

riêng. Dựa vào đặc điểm của lãnh thổ nghiên cứu, các huyện miền núi ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế được chia thành 2 á vùng và 8 tiểu vùng, mỗi tiểu vùng có mức độ phong phú tài nguyên khác nhau cho phát triển du lịch.

Kết quả nghiên cứu này không chỉ bổ sung thêm các vấn đề lí luận trong PVĐL mà còn cung cấp cơ sở khoa học để đánh giá lợi thế về vị trí

địa lý và tài nguyên tự nhiên của mỗi tiểu vùng. Ngoài ra, việc phân chia tiểu vùng địa lý tự nhiên còn giúp chính quyền địa phương trong việc xây dựng định hướng và giải pháp phát triển du lịch hiệu quả, giảm thiểu tác động tiêu cực lên tài nguyên, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trong khu vực - mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và du khách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thuỳ Dung (2021). *Đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên phục vụ phát triển du lịch các huyện miền núi khu vực Trị-Thiên*. LATS Địa lý tự nhiên, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Huế.
2. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh (1997). *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Cao Huân (2005). *Đánh giá cảnh quan (theo tiếp cận kinh tế sinh thái)*. Nxb Đại học Quốc gia.
4. Vũ Tự Lập (1978). *Địa lí tự nhiên Việt Nam (phần khu vực)*. Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Văn Nhung, Nguyễn Văn Vinh (1998). *Phân vùng địa lí tự nhiên đất liền, đảo - biển Việt Nam và lân cận*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
6. A.E.Phedina (1970). *Những nguyên tắc phân vùng địa lí tự nhiên, Tập III*, (Lê Trọng Túc dịch), Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
7. *Luật Du lịch*, số 09/2017/QH14, Ngày 19 tháng 6 năm 2017.
8. Tổ phân vùng Địa lí tự nhiên, Ủy ban Khoa học Nhà nước (1970). *Phân vùng địa lí tự nhiên lãnh thổ Việt Nam*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
9. Hoàng Đức Triêm (1990). *Nghiên cứu các mô hình sinh thái sử dụng hợp lý lãnh thổ trung du Bình Trị Thiên*. Đề tài Nghiên cứu Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước.

Thông tin tác giả:

Đặng Thuỳ Dung - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Địa chỉ: Số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: dangthuzydunghn@gmail.com; ĐT: (+84)96818789

Nhật kí tòa soạn:

Ngày nhận bài: 2/7/2024
Biên tập: 9/2024